**Paul Gallico**

Con chim trốn tuyết

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[LỜI NÓI ĐẦU](" \l "bm2)

[Vào Truyện](" \l "bm3)

**Paul Gallico**

Con chim trốn tuyết

Trần Phong Giao & Hoàng Ưng dịch

**LỜI NÓI ĐẦU**

Sinh năm 1897 tại New York, sau hơn 20 năm cầm bút, tên tuổi nhà báo Mỹ, Paul Gallico bỗng nổi bật trên văn đàn với "Con chim trốn tuyết", truyện vừa, gây chấn động dư luận bạn đọc cả trong và ngoài nước Mỹ. Trong sáng, và thơ mộng, Paul Gallico đã nhẹ nhàng đi vào thế giới bên trong đầy nhân ái khao khát yêu đương của nhân vật Rhayader, một hoạ sĩ tật nguyền, phải tìm nơi ẩn dật ở một hải đăng hoang phế ven biển. Cái chết cao đẹp của Rhayader bên dưới vòng cánh lượn đầy tình nghĩa của "con chim trốn tuyết", sự tuẫn tiết của chính nó, sự bùng nổ tình yêu trong lòng Frith, cô gái ngây thơ và trong trắng... tất cả đã biến câu chuyện như thành một bài thơ viết bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp cả trong tâm hồn lẫn ý thức trách nhiệm của con người.  
Môtip cốt truyện về cái đẹp ẩn chứa dưới vỏ ngoài xấu xí của một người đàn ông làm rung động trái tim một cô gái lại được Gallico nhấn mạnh trong "Tình nghệ sĩ". Bảy con rối trong truyện là bảy mặt thiện lương trong bản chất bị che giấu của Michel, gã múa rối độc ác và đê tiện. Thế nhưng Mouche, cô gái có tâm hồn cao đẹp đã nhận ra hết thảy mọi khổ hình gã phải nhận chịu trong cuộc tranh chấp nội tâm giữa thiện ác bên trong gã. Không phải sự thương hại mà chính tình yêu của cô đã cứu vớt gã lột xác để trở thành con người theo cái nghĩa cao đẹp của nó.   
Tuy không thuộc vào hàng ngũ các nhà văn lỗi lạc Mỹ, Paul Gallico đã cho ra đời nhiều tiểu thuyết nổi tiếng : Jennie (1950), Thomasina (1957), Những bông hoa dành cho Harris (1958)... Tác phẩm Paul Gallico mang tính nhân đạo sâu sắc, hướng con người vào những vẻ đẹp bên trong, khơi gợi ở mỗi người tình yêu chân chính và trách nhiệm cao cả.  
Giới thiệu Paul Gallico, chúng tôi còn mong gửi tới bạn đọc một lối viết trữ tình, dung dị, giàu chất thơ trong văn học Mỹ.  
*---Sở văn hoá thông tin Minh Hải---*

**Paul Gallico**

Con chim trốn tuyết

Trần Phong Giao & Hoàng Ưng dịch

**Vào Truyện**

Cánh đồng lầy mênh mông chạy dọc theo theo bờ duyên hải Essex(5), giữa thôn Chelmbury và Wickaeldroth, một bến chài của dân Saxon ngày xưa(6). Đây là miền hoang đại cuối cùng còn sót lại tại nước Anh, một miền sình lầy, hẻo lánh đầy cỏ lác và lau sậy với những bãi cỏ ngợp nước trải dài tới bên bờ những ruộng muối lớn. Những bãi bùn non và những vũng nước thuỷ triều sát bên đại dương đầy sóng gió.  
Những đường mương rạch do nước thuỷ triều xẻ vào nội đại và những nhánh sông nhỏ lượn uốn quanh co trước khi tuôn ra biển cả, qua miền lầy lội, mặt đất bập bềnh lên xuống như hô hấp theo nhịp thuỷ triều lên xuống mỗi ngày. Cảnh tượng vắng vẻ, cho ta cảm giác càng thêm quạnh hiu bởi tiếng kêu, tiếng gọi của loài dã điểu làm tổ trong những đầm lầy hay ruộng muối - những con ngỗng trời, những con hải âu, vịt trời, le le, cò lửa, cò hương mò mẫm tìm mồi trên những hồ nước mặn. Còn sự hiện diện của loài người thì không có, không thấy một ai, hiếm lắm mới thấy một người lưới chim hoặc vài thổ dân mò sò, tới đó tiếp tục làm cái nghề đã cũ mèm ngay từ hồi những người Normand đặt chân lên miền Hasting(7).  
Màu xám, màu xanh và màu xanh lá cây nhạt là những màu nổi bật, bởi vì suốt trong những mùa đông dài dằng dặc, nhiều vũng nước trên bãi biển, trên đầm lầy phản chiếu ánh sáng lạnh lẽo và xám đen của bầu trời. Nhưng đôi khi, vào buổi bình minh hoặc lúc hoàng hôn, màu trời sắc đất bực lên như ánh lửa vàng, lửa đỏ.  
Sát bên một nhánh quanh co của con sông Aelder nhỏ bé có một quãng đê thuộc bức trường thành trấn giữ bờ biển ngày xưa, khúc đê nhẵn và kiên cố, không một kẽ hở, đó là thành luỹ bảo vệ đất liền chống lại sự xâm lấn của biển cả. Con đê chạy sâu vào tận hồ muối, sâu vào đất liền tới ba dặm kể từ eo biển nước Anh, rồi từ đó rẽ theo hướng Bắc. Chính ở góc đó mặt đê bị sóng biển nhồi vỗ đã rạn vỡ tan tành. Con đê bị chọc thủng và qua chỗ hổng, biển cả như con thú đói ùa vào tranh giành đất đai, cả bức trường thành và cả những vật gì còn lại nơi đó.  
Lúc thuỷ triều rút, trơ ra những tảng đá vỡ màu xám đen, vết tích của ngọn hải đăng hoang phế, nằm phơi trên mặt nước, lác đác quanh đó, tựa như những cái phao cột xác chết, rải rác đầu những cây cọc của của một hàng rào đã bị lúc xuống (8). Ngày xưa ngọn hải đăng nhô cao trên biển và ánh đèn đã từng soi sáng dọc miền duyên hải Essex. Theo dòng năm tháng, sóng biển soi đất lở dần, ngọn hải đăng hoá thành vô dụng.  
Gần đây nó lại được dùng làm nơi trú ngụ của loài người. Có một người đàn ông cô độc đến đó ở. Thân hình méo mó, nhưng tâm hồn anh tràn đầy tình thương đối với các loài hoang thú bị săn đuổi. Trông anh thật xấu xí nhưng chính anh lại là người tạo ra cái đẹp. Câu chuyện sau đây thuật về chính chàng trai đó, và một cô bé đã tìm hiểu được chàng, tìm hiểu được một vẻ đẹp nào đó tiềm ẩn bên trong cái thân hình thô kệch của chàng.  
Đây không phải loại truyện có bố cục với những tình tiết nhịp nhàng hấp dẫn. Cốt truyện được thu góp từ nhiều nguồn và từ nhiều người, một phần dưới hình thức những mẩu chuyện vụn vặt của chính những người đã chứng kiến những cảnh tượng khốc liệt và kỳ lạ. Rốt cuộc, biển cả đã trở lại nguyên vị, bao phủ lên nơi chiến trận lớp sóng nhấp nhô, và bóng chim trắng khổng lồ, hai đầu cánh đốm đen, cánh chim đã từng chứng kiến sự việc từ đầu đến cuối, cũng đã quay về miền yên lặng huyền bí, cóng lạnh của vùng Bắc cực, là nơi mà từ đó nó đã bay đi.   
Vào cuối mùa xuân năm 1930, Philip Rhayader tìm đến ngọn hải đăng hoang phế ở cuối sông Aelder. Chàng mua vọng đèn bỏ hoang cùng nhiều mẫu đất lầy và đồng cỏ nước mặn quanh đó.  
Chàng sống cô đơn và cặm cụi làm việc một mình quanh năm. Chàng là hoạ sĩ chuyên vẽ chim và phong cảnh thiên nhiên. Vì nhiều lí do, chàng đã trốn lánh khỏi xã hội loài người. Người ta có thể tìm ra một vài trong số những lí do đó, trong những chuyến chàng xuống làng Chelmbury, nửa tháng một kỳ để mua thực phẩm, phơi bày tấm thân lệch và bộ mặt đen đúa của chàng dưới những cái nhìn soi mói của dân làng. Bởi vì chàng gù lưng và cánh tay trái có tật teo đi, cổ tay khoèo lại tựa như móng của loài chim.  
Ít lâu sau dân làng dần quen với hình dáng kỳ quái của chàng, nhỏ nhung đầy sức lực, quen dần với chiếc đầu vững chắc, tóc đen, râu rậm hơi tụt xuống phía dưới chiếc gò bí hiểm mọc trên lưng chàng, quen dần với đôi mắt sáng ngời, cánh tay hình móng chim, và đối với họ chàng trở thành “anh chàng vẽ tranh kỳ quái sống ở hải đăng”.  
Hình thù quái dị thường làm người có tật hận thù loài người. Nhưng Rhayader không hề thù hận! Chàng thương yêu tha thiết con người, mọi loài muông thú và cảnh vật thiên nhiên. Tâm hồn chàng tràn đầy lòng thương xót và sự cảm thông. Chàng đã làm chủ được điều bất hạnh, nhưng chàng không sao chế ngự nổi sự hắt hủi phải gánh chịu, sự hắt hủi gây ra bởi hình thù quái dị của chàng. Sự kiện dồn chàng đến thế ẩn dật là sự thất bại không tìm thấy nơi đâu sự đền đáp lại mối cảm tình nồng nàn từ nội tâm chàng tuôn trào ra. Phụ nữ lẩn tránh chàng. Còn đàn ông có thể đối tốt với chàng , nếu họ hiểu chàng. Nhưng chỉ nghĩ rằng người đó phải cố gắng mới hiểu được chàng cũng khiến chàng tủi hổ và cũng đủ để chàng lánh xa kẻ ấy.  
Năm chàng đến vùng đồng lầy chàng đã hai mưoi bảy tuổi. Chàng đã đi du lịch khá nhiều nơi và đã chiến đấu một cách anh dũng trước khi đi đến quyết định rút lui ra khỏi cái thế giới mà chàng không có chỗ đứng như những người đàn ông khác. Ngoài sự nhạy cảm của người nghệ sĩ và sự hiền dịu đầy phụ nữ tính chứa chất trong lồng ngực căng phồng, chàng cũng đàn ông như ai.  
Trong cuộc sống ẩn dật, chàng còn có chim chóc, hội hoạ và cánh thuyền buồm. Chàng có một chiếc thuyền dài mười sáu bộ, mà chàng sử dụng rất tài tình. Những lúc một mình, không bị ai dòm ngó xét nét, chàng điều khiển nó rất khéo léo bằng bàn tay có tật, chàng cũng thường vận dụng đến hai hàm răng vững chắc để điều chỉnh những cánh buồm bập bùng khi gặp cơn gió chướng.  
Chàng thường thả thuyền dọc theo con lạch hay chạy ra khơi, mỗi lần chàng đi tới mấy ngày liền, tìm kiếm những loài chim mới để chụp ảnh hay vẽ phác và chàng cũng lưới được chim khá thiện nghệ để tăng thêm cho bầy hoang điểu mà chàng thu thập về nuôi trong chiếc chuồng dựng bên phòng vẽ vốn là trung tâm ở ẩn của chàng.  
Chàng không hề bắn chim bao giờ và chàng không chịu cho những người săn chim lại gần khu vực chàng ở. Chàng là bạn thân của mọi loài chim hoang dã và chúng cũng đền đáp lại chàng bằng tình thân hữu.  
Thuần thục trong khu vườn nhà chàng có giống ngỗng hoang hàng năm cứ đến tháng Mười lại từ miền Băng-đảo và từ quần đảo Spitbergen bay dọc duyên hải mà xuống, từng bầy lớp rợp trời và thinh không rào rào tiếng cánh vỗ mỗi khi chúng bay ngang - những con ngỗng thân lông nâu, chân mầu hồng, ngực lông trắng với những chiếc cổ lông đen và bộ mặt ngộ nghĩnh, những con hải âu lông trắng ngực có sọc đen và nhiều loại vịt trời, le le, mòng két, mòng đốc…  
Vài con được xén lông cánh ở lại làm chim hiệu và mỗi đầu mùa đông chúng sẽ nhử những loài hoang điểu dừng cánh nơi đây là chỗ trú ẩn an toàn và sẽ có miếng ăn.  
Hàng trăm con đã đến và ở với chàng suốt mùa đông lạnh buốt từ tháng Mười cho mãi tới đầu xuân, khi chúng lại di chuyển về phương Bắc, trở về đất tổ của chúng, gần bên những vòm băng đá.  
Rhayader thấy mãn nguyện khi biết rằng dù cho bão táp có dập vùi, sự lạnh buốt có nghiệt ngã và mồi ăn có khan hiếm hay những cây súng lớn mũi nhọn của những người thợ săn đeo túi đựng thú ở xa có nổ, thì những con chim của chàng vẫn bình an - những con chim mà chàng đã tụ tập vào nơi an toàn dưới sự bảo trợ của đôi cánh tay và con tim chàng, những con chim hoang dã hiểu biết và đã đặt lòng tin cậy nơi chàng.  
Vào xuân chúng sẽ đáp lại tiếng gọi của quê hương miền bắc, nhưng sang thu chúng sẽ trở lại, trở lại kêu la rối rít, tru tréo om sòm, huyên náo cả vòm trời thu muộn, lượn quanh ngọn hải đăng xưa cũ rồi cùng hạ cánh xuống gần đấy để lại đóng vai khách quý của chàng - những con chim mà chàng còn nhớ rõ là đã nuôi chúng từ năm trước.  
Và điều này khiến Rhayader sung sướng, bởi vì chàng biết rằng ẩn bên trong chúng có mầm mống tri giác về sự có mặt và nơi ẩn náu an toàn của chàng, rằng sự tri giác này đã tham dự vào cuộc đời chúng để mỗi khi bầu trời trở xám và gió bấc thổi lộng chúng sẽ tìm lại với chàng không hề lầm lẫn.   
Ngoài ra chàng để hết tâm trí vào việc vẽ lại cảnh vật nơi chàng đang sống cùng những sinh vật trong miền. Không có nhiều tranh của Rhayader ngoài thị trường. Chàng say sưa giữ lại, chồng chất chúng trong hải đăng, và xếp đống ở những tầng trên có tới hàng trăm bức. Chàng không hài lòng về chúng, vì người nghệ sĩ vốn không mấy khi mãn nguyện về những gì mình sáng tạo.  
Nhưng vài bức đến tay người thưởng ngoạn đều là những kiệt tác, tràn ngập nguồn sáng và màu sắc từ mặt nước loáng lên, từ những cánh chim bay rung động toả xuống, từ sự gắng gỏi mãnh liệt của những cánh chim bay ngược luồng gió sớm mai đang thổi rạp những ngọn lau lớn xuống. Chàng diễn tả vẻ cô tịch và bầu khí lạnh đượm vị muối, sự vĩnh cửu, vẻ thiên thu của cánh đồng lầy, những sinh vật hoang dã, những đàn chim bay trong bình minh, hoặc thảng thốt vút lên bầu trời và những bóng chim xoải cánh bay trong đêm lẩn trốn ánh trăng.   
Vào một buổi chiều tháng Một, ba năm sau khi Rhayader đến ở vùng Đồng lầy, có một cô bé lại gần phòng vẽ trong hải đăng, qua lối bờ đê. Hai tay cô ôm khư khư một gói nặng.  
Cô bé trạc mười hai tuổi, mảnh mai, lem luốc, lo lắng và nhút nhát như một con chim, nhưng dưới vẻ lọ lem ấy cô ta đẹp kỳ lạ như một nàng tiên của vùng Đồng lầy. Cô là giống người Saxon thuần túy, to xương, da trắng mịn, với một chiếc đầu còn lớn hơn so với thân hình và đôi mắt thăm thẳm màu tím sẫm.  
Cô bé vô cùng khiếp sợ người đàn ông xấu xí mà cô phải đến gặp, vì một huyền thoại về Rhayader đã bắt đầu hình thành, và những người thổ dân ưa săn bắn đâm ra thù ghét chàng vì chàng đã cản trở môn thể thao ưa thích của họ.  
Nhưng vượt trên nỗi sợ hãi ấy là tình cảnh nguy khốn của sinh vật mà em đang ấp ủ trên tay. Trong trái tim bé nhỏ của em, đã gắn sâu sự hiểu biết, nhờ nghe người ta đồn đãi quanh vùng, rằng con ngáo ộp sống trong hải đăng có bùa phép chữa lành những thú vật bị thương.  
Trước đó chưa bao giờ cô bé nhìn thấy Rhayader và cô suýt hoảng hốt bỏ chạy trước bóng dáng chàng xuất hiện nơi khung cửa phòng vẽ, khi nghe tiếng chân người lại gần - một sự hiện hình dễ sợ với chiếc đầu bù xù và bộ râu đen, chiếc lưng gù buồn thảm và cánh tay khoèo hình móng chim.  
Cô bé đứng sững lại, nhướng mắt nhìn chằm chặp hơi sẵng như một con chim nhút nhát dưới đồng lầy sẵn sàng cất cánh bay xa.  
Nhưng khi chàng lên tiếng, giọng chàng thật trầm và thân thiện :  
“Có chuyện gì đấy em?”  
Cô bé vẫn không bớt sợ hãi, rụt rè bước tới. Vật mà cô bé ôm trong cánh tay là một con chim lớn màu trắng, con vật nằm bất động. Có những vệt máu trên bộ lông trắng và trên chiếc áo của cô bé nơi mảnh vải dùng để lót con chim.  
Cô bé đặt con chim vào đôi cánh tay chàng.   
“Thưa ông, em bắt gặp nó, nó bị thương. Nó còn sống, phải không ông?”  
“Đúng. Đúng đấy, tôi cũng nghĩ vậy. vào đây, vào đây em”.  
Rhayder mang con chim vào trong nhà, đặt nó lên bàn, và con vật yếu đuối cựa mình. Tính tò mò lước thắng sự sợ hãi, cô bé vào theo và thấy mình ấm hẳn lên trong căn phòng có ngọn lửa than đốt để sưởi, căn phòng sáng rực lên dưới những bức tranh màu treo la liệt trên tường, và tràn ngập một mùi hương là lạ nhưng dễ chịu.  
Con chim vẫy cánh. Với bàn tay lành lặn, Rhayader trải rộng một trong hai chiếc cánh trắng lớn ra. Bầu cánh có đốm đen rất đẹp.  
Rhayader trầm trồ ngắm nghía và hỏi :  
“Này em! Em thấy nó ở đâu đấy?”  
“Ở trong đồng lầy, ông ạ, nơi những tay thợ săn đi qua. Loại chim gì ông nhỉ?”  
“Loại ngỗng trốn tuyết gốc Canada. Mà tại sao nên nông nỗi này?”  
Tên con chim hình như chẳng có ý nghĩa gì đối với cô gái bé nhỏ. Đôi mắt thăm thẳm màu tím sẫm sáng lên làm át cả vẻ lem luốc của khuôn mặt gầy đét, chăm chú nhìn con vật bị thương đầy vẻ lo âu.  
Cô bé hỏi :  
“Liệu ông có chữa cho nó lành được không?”  
“Được, được chứ”, Rhayader đáp. “Chúng ta thử xem sao. Lại đây, em giúp tôi một tay nhé”.  
Trên chiếc kệ có sẵn kéo, băng và nẹp gỗ để tháp xương bị gãy, và mặc dù có tật, chàng khéo tay lạ thường, ngay cả cánh tay khoèo hình móng chim cũng vậy, cầm vật dụng rất tài.  
Chàng nói : “Tội nghiệp, cô ả bị đạn bắn trúng đây. Cẳng bị gãy rồi, đầu cánh cũng vậy, nhưng không đến nỗi nặng lắm. Xem nào, mình phải xén lông cánh mới băng bó được, nhưng sang xuân rồi lông cánh sẽ mọc lại và cô ả sẽ lại bay được. Mình sẽ cột chặt cánh vào thân, và như vậy cô ta sẽ không cựa quậy đôi cánh được cho tới khi lành hẳn. Kế đó mình sẽ bó chỗ chân cô ả bị đau”.   
Cô bé quên cả sợ, say sưa theo dõi việc làm của chàng, một phần cũng vì chàng vừa bó chiếc chân chim gãy vừa kể cho cô nghe một câu chuyện kỳ diệu.  
Con chim còn non, chưa tròn một tuổi. Nó sinh ra ở đất bắc xa xôi, cách mấy trùng biển cả trên một lãnh địa thuộc vương quốc Anh Cát Lợi. Nó bay về phương nam để trốn tuyết, trốn băng giá, trốn làn khí lạnh rợn người, một cơn bão lớn đã vồ lấy nó, đã cuốn nó vào những đợt cuồng phong. Một trận bão thật kinh khủng, mạnh gấp bội đôi cánh lớn của nó, và mạnh hơn bất cứ sức mạnh nào. Ròng rã nhiều đêm và nhiều ngày, trận bão đã xua đuổi nó, không ngừng nghỉ và con chim mắc kẹt không thể làm được gì hơn là nương bay theo luồng gió cuốn. Sau cùng cơn bão tan dần và bản năng tinh tường lại dẫn nó bay theo về hướng nam, nó đã tới một miền đất xa lạ và quanh nó toàn giống chim lạ mà trước đó nó chưa hề thấy. Sau cùng, mệt lả vì đuối sức, nó sà xuống nghỉ trên cánh đồng xanh thân thuộc để rồi được viên đạn của người đi săn tiếp đón.  
“Một lối tiếp rước tàn nhẫn đối với một vị công chúa từ nơi xa tới viếng thăm”, Rhayader kết luận. “Mình sẽ gọi cô ta bằng biệu hiệu “La Prrincesse Perdue” – Nàng công chúa lạc loài. Rồi chỉ ít ngày sau nàng sẽ khá hẳn đó. Coi nào!” Chàng thọc tay vào túi lấy ra một nắm hạt. Con ngỗng trốn tuyết mở tròn đôi mắt ra và bắt đầu rỉa mồi.  
Cô bé cất tiếng cười thích thú, rồi bỗng nín thở khi chợt nhận ra nơi chốn cô ta đang ở, và không nói nửa lời cô bé quay mình chạy vọt ra khỏi cửa.   
“Đợi chút, đợi một chút!” Rhayader la lên và chạy theo ra cửa. Chàng đứng lại nơi ngưỡng cửa và khuôn cửa đóng khung lấy hình thù dềnh dàng của chàng. Cô bé đã thoát ra tới bờ đê ven biển rồi, nhưng nghe tiếng gọi thì dừng lại.  
“Này em, em tên là gì nhỉ?”  
“Frith”.  
“Hả?” Rhayader hỏi. “Tôi chắc là Fritha mới đúng. Thế em ở đâu?”  
“Với dân chài dưới bến Wickaeldroth”. Cô bé đọc tên ấy bằng giọng Saxon thật xưa.  
“Mai hay mốt em có lại thăm sức khoẻ nàng Công chúa hay không?”  
Cô bé không trả lời ngay khiến Rhayader lại liên tưởng đến những con chim hoang dưới đầm lầy khi hoảng sợ thường bất động trong khoảng một phần mười giây trước khi vỗ cánh bay xa.  
Nhưng giọng nói trong trẻo mà yếu ớt của cô bé lại vọng tới chàng : “Có chứ!”  
Và rồi cô bé bỏ chạy, mái tóc hung vàng tha thướt tung bay trước gió.  
Con ngỗng trốn tuyết bình phục mau lẹ, khoảng giữa mùa đông nó đã tập tễnh đi trong khu đất có hàng rào, hay nhập bọn với những con ngỗng hoang chân hồng, chứ không đi với bọn lông nâu, và nó cũng biết chạy lại tìm ăn mỗi khi Rhayader lên tiếng gọi. Và cô bé, Fritha, hay Frith, là người khách thường xuyên lui tới. Cô bé không còn sợ hãi Rhayader nữa. Trí tưởng tượng của cô bị thu hút bởi sự hiện diện của nàng công chúa áo trắng kỳ ngộ đến từ miền đất lạ cách mấy trùng dương, miền đất toàn màu hồng trên tấm bản đồ mà Rhayader đã chỉ cho em xem, trên đó hai người dựng lại cuộc hành trình vất vả mà cánh chim lạc lõng trong cơn gió bão đã vượt quakể từ khi rời quê hương trên đất Canada để đến miền Đồng lầy rộng lớn trên duyên hải Essex.  
Rồi một buổi sáng tháng Sáu một bầy ngỗng chân hồng cuối cùng, no nê, mập mạp sau suốt mùa đông ở hải đăng, nghe theo tiếng gọi thôi thúc của miền đất xanh tươi, uể oải bay lên theo vòng trôn ốc mỗi lúc một rộng. Lẫn trong đàn chim đó, rực sáng trong ánh nắng xuân tươi, là thân lông trắng tuyền với hai đầu cánh lớn đốm đen của con chim trốn tuyết. Sự việc xảy ra vào lúc Frith có mặt ở hải đăng. Tiếng kêu của cô bé khiến Rhayader từ trong phòng vẽ nhảy bổ ra.  
“Coi kìa! Coi kìa! Nàng công chúa! Bộ nàng cũng bỏ đi hay sao?”  
Rhayader ngước nhìn lên trời dõi theo những chấm đen di chuyển. “Chà!” chàng nói, bất giác dập theo lời cô bé. “Nàng công chúa hồi hương! Lắng tai mà nghe, nàng đang từ giã chúng ta đó!”.  
Từ trên vòm trời trong vắt vọng xuống tiếng kêu ai oán của những con ngỗng chân hồng, và nổi bật lên trên, cao hơn, trong hơn, là tiếng của con chim trốn tuyết. Những chấm đen di chuyển theo hướng Bắc, kết thành hình chữ V nhỏ dần, rồi mất hút.    
Từ bữa con chim trốn tuyết ra đi, Frith không lui tới vọng hải đăng nữa.   
Rhayader lại một lần nữa thấm thía ý nghĩa của hai chữ “cô đơn”.  
Mùa hè năm ấy, moi trong ký ức, chàng vẽ lại hình dáng thanh thanh của cô bé, mặt lem luốc, mái tóc hung vàng bồng bềnh trong gió lộng tháng chín, trong tay ghì chặt con chim trắng bị thương.   
Vào giữa tháng mười, có một chuyện lạ xảy ra. Lúc đó Rhayader đang đứng trong khu đất có hàng rào cho chim ăn. Gió đông bắc gây gấy lạnh và mặt đất rầm rì dưới làn nước thuỷ triều dâng. Vượt lên trên tiếng sóng biển và tiếng gió rì rào, chàng chợt nghe, có tiếng kêu lanh lảnh, cao vút. Chàng ngước mắt nhìn lên vòm trời chiều vừa đúng lúc để trước hết thấy một chấm đen nhỏ xíu, rồi thấy ảo ảnh một giấc mơ đen trắng chập chờn xuất hiện, nó lượn quanh hải đăng một vòng, rồi, sau chót, một cánh chim thực hạ cánh xuống đất ngay chỗ chuồng chim rồi đường bệ tiến lên đòi ăn như thể nó chưa hề bỏ đi xa bao giờ. Đó chính là con chim trốn tuyết, không thể nào lầm lẫn được. Nó đã đi đâu? Chắc chắn là không thể bay về tổ nó bên Canada. Không, chắc chắn là nó đi nghỉ hè ở Greenland hay Spitzbergen với những con ngỗng chân hồng. Nó đã nhớ và đã trở lại.  
Kỳ tới xuống thôn Chelmbury mua lương thực, chàng nhờ cô trưởng trạm bưu điện nhắn tin giùm và điều đó đã khiến cô ta ngạc nhiên không ít. Chàng nói : “Phiền cô làm ơn nói lại với Frith, cô bé ở dưới xóm chài Wickaeldroth, rằng Nàng công chúa đi lạc đã trở lại”.  
Ba hôm sau, Frith, to lớn hơn, nhưng áo quần vẫn xốc xếch, tóc rối, bẽn lẽn tìm đến hải đăng để thăm nàng công chúa.  
Thời gian trôi qua. Trên vùng đồng lầy, bước đi của thời gian được đánh dấu bởi sự lên xuống của nước thủy triều, nhịp đi chầm chậm của bốn mùa, sự di chuyển của chim muông, và, riêng đối với Rhayader, sự đến và đi của con chim trốn tuyết.  
Thế giới bên ngoài xao động, bùng sôi và gầm gừ dưới áp lực của một mãnh lực nào đấy, không bao lâu sau đã bùng nổ và đưa thế giới đến bên bờ sự hủy diệt. Nhưng mãi tới lúc đó, Rhayader vẫn chưa chịu ảnh hưởng của thời cuộc, và cả Frith cũng thế. Ngay cả khi cô bé đã khôn lớn, hai người vẫn hoà hợp tự nhiên một cách lạ thường. Khi con chim trốn tuyết có mặt tại hải đăng thì chính cô bé cũng lại lui tới để thăm viếng và học hỏi Rhayader được nhiều điều. Hai người ra biển chơi trên chiếc thuyền buồm chạy nhanh mà chàng điều khiển rất tài tình. Họ lưới chim hoang để tăng thêm cố chim đang nuôi, và dựng thêm hàng rào, mở thêm sân che chở cho chúng. Nhờ chàng, cô bé học hỏi được nhiều điều về đủ loại dã điểu, từ loài hải âu tới giống chim ưng bay lượn trên vùng đồng lầy. Thỉnh thoảng cô bé nấu ăn cho chàng và đôi khi cô còn tập pha sơn vẽ nữa.  
Nhưng hễ con chim trốn tuyết bay về vùng cư ngụ mùa hè thì mọi chuyện lại xảy ra như thể có một hàng rào ngăn cách giữa hai người và cô gái không lui tới hải đăng nữa. Có một năm con chim không trở lại và Rhayader buồn khôn tả xiết. Chàng như có cảm tưởng mọi sự đã hết trong đời chàng. Chàng vẽ như điên suốt mùa đông và mùa hè sau đó, và không hề gặp mặt cô bé một lần nào. Nhưng vào thu, tiếng kêu thân thuộc lại vang trên thinh không, và cánh chim trắng khổng lồ, bây giờ đã lớn hết cỡ, từ trời cao hạ xuống cũng bí mật như lúc nó ra đi. Mừng rỡ, Rhayader dong thuyền xuống Chelmbury để nhờ cô trưởng trạm bưu điện nhắn tin giùm.  
Lạ thay, lần này sau khi nhắn tin phải đợi tới hơn một tháng trời Frith mới xuất hiện và Rhayader kinh ngạc đến sững người khi nhận thấy cô ta không còn là một cô bé nữa.  
Và sau cái năm con chim không tới ấy, thời hạn nó vắng mặt càng lúc càng thu ngắn lại. Nó đã trở nên dạn dĩ đến nỗi lúc nào nó cũng quấn quít theo Rhayader và nó dám vào cả trong phòng vẽ những lúc chàng đang làm việc.  
Mùa xuân năm 1940 bầy di điểu rời khỏi vùng đồng lầy sớm hơn thường lệ. Thế giới đã lâm chiến. Tiếng gầm rú của máy bay phóng pháo và tiếng nổ ì ầm của bom đạn làm chúng khiếp đảm. Hôm mồng một tháng năm, Frith và Rhayader đứng vai kề vai bên bờ đê ven biển theo dõi những đốm cánh cuối cùng của đán ngỗng chân hồng cánh không bị xén và những con ngỗng hoang lông nâu cất cánh bay lên từ nơi chúng trú ẩn. Cô gái thì cao, dáng thanh tú, thảnh thơi như gió thoảng, vẻ đẹp mê hồn. Chàng thì đen đúa, thô kệch, cái đầu râu tóc bù xù ngước nhìn lên trời, đôi mắt đen lóng lánh theo dõi đàn chim bay thành hàng.  
“Coi kìa, Philip”, Frith gọi.  
Rhayader nhìn theo hướng mắt của cô gái. Con chim trốn tuyết đã cất cánh, đôi cánh lớn xoè ra, nhưng nó bay thấp và có lúc bay sát chỗ hai người đứng, sát đến nỗi hai đầu cánh đen gần như quệt vào người họ, và họ cảm thấy luồng gió mạnh của lớp cánh chim tạt vào người. Một lần, rồi hai lần, con chim lượn quanh hải đăng, rồi hạ cánh trong sân, nơi có những con ngỗng bị xén lông cánh còn ở lại, và bắt đầu nhặt mồi ăn thong thả.  
“Nó không đi nữa”, Frith nói, đầy vẻ kinh ngạc trong giọng cô gái. Cánh chim trong lúc bay sà xuống sát bên cô dường như đã đem đến cho cô một niềm phấn khởi kỳ diệu “Nàng Công Chúa sẽ ở lại”.  
“Phải”, Rhayader đáp, và giọng nói của chàng run lên vì cảm động. “Nàng sẽ ở lại, Nàng sẽ không đi nữa. Nàng Công Chúa đi lạc sẽ không còn đi lạc nữa. Từ nay nơi đây là quê hương của nàng- quê hương do nàng tự ý chọn lựa”.  
Sức quyến rũ mà cánh chim vấn chung quanh cô gái bị rạn vỡ và Frith bỗng ý thức được sự kiện là cô bị kinh hoàng, và nguyên nhân gây nên sự sợ hãi ấy chính là đôi mắt Rhayader - sự van lơn cầu khẩn, nỗi cô đơn và tất cả những gì thầm kín, sâu xa, sôi động đều tiềm ẩn bên trong và bên trên tia mắt ấy, lúc chàng ngước nhìn cô.  
Những lời chàng vừa nói cứ lập lại trong đầu cô gái tựa như chính chàng vừa nhắc lại : “Từ nay nơi đây là quê hương của cô – cô tự ý chọn lựa”. Bản năng hền dịu của Frith đã làm Rhayader xao xuyến và làm cho cô hiểu được những ý nghĩ thầm kín mà vì mặc cảm tật nguyền, xấu xí, chàng đã không thể nói được nên lời. Và vì lời nói của chàng có sức phủ dụ, cô lại càng thêm hoảng sợ trước sự yên lặng cùng mãnh lực của những gì không nói ra giữa hai người. Bản năng đàn bà trong cô như thôi thúc cô bỏ chạy trước một sự việc nào đó mà cô chưa đủ khả năng hiểu thấu.   
Frith lắp bắp : “Em – em phải về. Thôi chào ông. Em cũng vui là – là nàng công chúa sẽ ở lại. Từ đây ông không cô đơn lắm nữa”.  
Cô gái quay lưng, thoăn thoắt bước đi và chỉ thoáng nghe thấy lời chào buồn thảm “Chào em, Frith”, mơ hồ như tiếng ma, lạc trong tiếng gió thổi rì rào trên đồng cỏ hoang. Đi được một thôi dài rồi cô mới dám liếc mắt nhìn trở lại phía sau. Chàng vẫn đứng trên bờ đê, một chấm đen nhỏ in trên nền trời bao la.  
Cơn sợ hãi bấy giờ mới tan. Nó nhường chỗ cho một cái gì khác, một cảm giác mất mát là lạ, cảm giác đó mạnh đến nỗi khiến cô đứng sững lại hồi lâu. Rồi, bước đi chậm chạp hơn, cô tiếp tục rời xa dần ngọn hải đăng mọc chĩa lên nền trời như một ngón tay, tiếp tục rời xa dần người đàn ông đứng ở phía dưới.  
Sau đó có đến ba tuần Frith mới trở lại hải đăng. Tháng Năm đã gần hết, và ngày hôm đó, ngày cũng dần tàn, vào lúc hoàng hôn đang nhường dần chỗ cho màu trắng bạc của vầng trăng đã treo lơ lửng trên vòm trời phía đông.  
Cô gái tự nhủ, trong lúc tiến bước, rằng cô cần phải tới xem con chim trốn tuyết có còn ở lại đúng như lời Rhayader đã nói hay không. Rất có thể là rốt cuộc nó đã bay đi. Những bước đi vững chắc của cô trên mặt đê thật là hăng hái và đôi lúc bất giác cô chợt nhận ra mình đang rảo bước đi mau.  
Frith nhìn thấy ánh lửa vàng của chiếc đèn lồng ở dưới bến riêng của Rhayader và cô xuống gặp chàng dưới đó. Chiếc thuyền buồm của chàng nhè nhẹ đung đưa trên ngọn nước triều dâng và chàng đang chất lương thực lên thuyền - nước ngọt, thức ăn khô, mấy chai rượu mạnh, đồ dùng trên thuyền và một cánh buồm phòng hờ. Khi chàng quay lại vì nghe tiếng chân cô đến gần, cô thấy vẻ mặt chàng tái nhợt, nhưng đôi mắt đen lúc bình thường vốn rất ư dịu dàng, đang sáng ngời lên vì cảm kích, và chàng thở hào hển vì mệt nhọc.  
Frith bỗng nhiên cảm thấy lo sợ. Con chim trốn tuyết bị lãng quên rồi.   
"Philip! Bộ anh dọn đi nơi khác à?”  
Rhayader ngừng tay để chào đón cô gái, và trên gương mặt chàng thoáng hiện một vẻ gì khác thường - một sắc diện hớn hở mà trước đó cô chưa từng thấy bao giờ.  
“Frith! Tôi mừng vì em đến đúng lúc. Vâng, tôi phải đi. Một chuyến đi ngắn ngủi. Rồi tôi sẽ trở về”. Giọng nói của chàng thường nhật dịu dàng, bữa nay trở nên khàn khàn vì chàng đã cố gắng rõ rệt để chế ngự cơn xúc động trong nội tâm.  
Frith hỏi : “Anh phải đi dâu chứ?”  
Rhayader vồn vã kể . Chàng phải đi Dunkerque(9).  
Cách chừng một trăm dặm bên kia bờ biển phía Bắc, một đạo binh Anh mắc bẫy ở đó, trên bãi cát, đang chờ bị tiêu diệt bởi bàn tay quân Đức đang tiến tới. Hải cảng ngùn ngụt bốc cháy, tình cảnh thật tuyệt vọng. Chàng nghe được tin ấy khi chàng xuống dưới làng mua lương thực. Nhiều người đã đáp lại lời kêu gọi của chính phủ rời bến Chelmbury với đủ thứ tàu : tàu kéo hàng, tàu đánh cá hay xuồng máy, miễn là máy còn chạy nổi đều được kéo ra khỏi cảng, vượt eo biển để lôi binh sĩ ra khỏi bãi biển, chở họ đến những tàu vận tải hay những chiến hạm lớn không vào được chỗ đó. Dân chúng cố gắng cứu sống càng nhiều càng hay số binh sĩ Anh thoát khỏi làn mưa đạn của quân Đức.  
Frith lắng nghe và cảm thấy lòng mình buồn như muốn chết. Chàng cho biết là chàng sẽ vượt qua eo biển trên chiếc thuyền buồm nhỏ của chàng. Nó có thể chở được sáu người mỗi chuyến, nếu cần thì bảy người. Chàng có thể chở nhiều chuyến từ bãi biển ra tàu vận tải đậu ngoài khơi.  
Cô gái còn trẻ, chất phác, vụng dại. Em chưa hiểu gì về chiến tranh, hoặc về những gì đang xảy ra trên đất Pháp, hoặc về ý nghĩa sự mắc bẫy của đoàn quân Anh, nhưng do linh tính cô gái cũng biết ở nơi xa xôi đó thật nguy hiểm.  
“Philip! Anh đi thật sao? Anh sẽ không về được đâu. Mà sao anh lại phải đi?”  
Cơn hăng say đang bồng bột trong tâm hồn chàng tưởng chừng tan biến trước đợt đầu tiên của những câu nói và chàng cố giải thích bằng những lời lẽ mà cô gái có thể hiểu được.  
Chàng nói : “Binh sĩ bị lùa ra bãi biển giống như những con chim bị săn đuổi, Frith ạ, như những con chim bị săn và bị thương mà chúng mình vẫn thường bắt gặp và đưa về nơi trú ẩn. Bay lượn trên họ là một bầy chim bằng thép, những con diều hâu, chim ưng, kên kên, và họ chẳng biết nấp vào đâu để tránh những con chim sắt săn mồi ấy. Họ bị thua, bị bão táp dồn đuổi, bị đe doạ như nàng công chúa đi lạc mà em đã bắt gặp trong đầm lầy và mang đến cho tôi nhiều năm trước, và chúng ta đã cùng lo chạy chữa. Cũng như bầy hoang điểu của chúng ta, những người lính đó cần được giúp đỡ, em ạ. Và vì thế mà tôi phải đi, đó là điều mà tôi có thể làm được. Đúng, tôi làm được mà. Ít ra là một lần - phải, ít ra là một lần tôi có dịp chứng tỏ mình là đàn ông và có thể đảm nhận trách nhiệm của mình”.  
Frith nhìn Rhayader trừng trừng. Chàng như đã hoá thân. Lần đầu tiên cô gái thấy chàng không còn xấu xí, tật nguyền nữa, trái lại chàng rất đẹp. Trong tâm hồn cô cũng sôi sục bao nhiêu điều muốn được nói nên lời, nhưng cô không biết nói thế nào.  
“Philip! Em sẽ đi cùng với anh!”  
Rhayader lắc đầu : “Em đi thì con thuyền sẽ mất bớt một chỗ, do đó một người lính sẽ bị bỏ lại, rồi một người nữa, và một người nữa. Anh phải đi một mình, em ạ”.  
Chàng mặc áo mưa, đi giày ống cao su và dong thuyền chạy. Chàng giơ tay vẫy gọi với lại : “Tạm biệt nhé! Nhờ em săn sóc giùm lũ chim đến lúc anh về nghe Frith!”  
Frith đưa tay lên, nhưng chỉ tới lưng chừng thôi, vẫy lại : “Cầu xin Chúa che chở cho anh”, rồi cô vội giải thích ngay bằng thổ ngữ Saxon. “Em sẽ săn sóc đàn chim. Cầu trời che chở cho anh, Philip.”  
Lúc đó đã vào đêm, trời sáng dưới ánh sao, vừng trăng lưỡi liềm cùng ánh lửa cháy hồng từ phương bắc. Frith đứng trên bờ đê, ngó theo cánh buồm trắng trên con lạch ngập nước triều dâng. Bỗng nhiên từ vùng bóng tối phía sau cô gái, có tiếng cánh bay rào rào và có một vật gì đó bay ngang qua sát bên cô. Trong ánh sao đêm cô thoáng thấy đôi cánh trắng loé sáng, đầu cánh có đốm đen, và cái đầu chúi về phía trước của con chim trốn tuyết.  
Nó bay lên và lượn một vòng quanh ngọn tháp để rồi bay xuôi theo hướng con lạch quanh co trên hồ và cánh buồm của Rhayader đang lướt nhanh dưới làn gió lộng. Con chim bay chầm chậm phía trên con thuyền theo hình vòng tròn rộng.  
Còn nhìn thấy cánh buồm trắng và cánh chim trắng trong một hồi lâu.  
“Hãy trông chừng chàng, hãy che chở cho chàng”, Frith thì thào. Lúc cả hai cùng khuất bóng, cô gái quay lưng và uể oải cất bước, đầu cúi thấp, đi về hải đăng trống vắng.   
Đến đây câu chuyện được chắp nhặt đây đó, và một trong những mẩu chuyện vụn vặt đó được thuật lại do lời nhũng người lính đi phép trong quán Crown and Arrow, một quán rượu gần thánh đường East Chapel.  
“Một con ngỗng, một con ngỗng tuyệt đẹp đã cứu tôi”, anh binh nhì Potton thuộc Ngự Đoàn bộ binh thành Luân Đôn nói.  
“Xì”, người lính pháo thủ có đầu gối cong, tỏ vẻ không tin.  
“Đúng là một con ngỗng, tôi chắc mà. Này Jock, cậu cũng trông thấy nó như tôi, đúng không? Nó bay xuống từ đám khói mịt mù, nồng khét của chiến trường Dunkirk (Dunkerque), lơ lửng trên đầu bọn này. Lông nó trắng, đầu cánh có đốm đen, và nó lượn xung quanh bọn này như một phi cơ phóng pháo mắc dịch nọ. Jock thấy thế mới nói : “Tiêu rồi, Thần chết đến tìm bọn mình đó.”  
“Bậy nào”, tôi cãi, “đây là con ngỗng lông hồng, từ quê hương mình bay sang mang theo thông điệp của ông Churchill, ông ta muốn biết tụi mình đang thưởng thức cái thú tắm mát này ra làm sao. Đây là một điềm báo, đúng mà, dù là điềm báo đầy máu. Rồi thế nào bọn mình cũng thoát mà, bạn ơi.”  
“Tụi mình đang bị nướng chín trên bãi biển nằm giữa Dunkirk và Lapanny, giống như một xâu chim câu óng chuốt bên bờ hồ Victoria, đang chờ lão đồ tể Jerry(10) đến vặt lông làm thịt. Chắc chắn hắn sẽ ăn sống nuốt tươi bọn mình. Hắn theo bén gót mình, thúc cạnh sườn mình và ngay trên đầu mình. Hắn sẽ cho mình một phát đạn ghém và tặng mình tước vị , và từ trên vòm trời trong sáng lũ quỷ Jittersmiths(11) sẽ rắc tiêu lên đầu mình”.  
Và ngoài khơi có chiếc Kentish Maid, chiếc tàu chở du khách mà tôi đã đáp nhiều chuyến đi Margate(12) trong dịp hè, giá vé hai đồng sáu hào, đang chờ đón tụi tôi, nó đậu chỉ cách chỗ bãi biển đang lâm chiến chừng nửa dặm đường.  
Trong lúc tụi tôi nằm trên bãi biển thì chỉ còn biết chửi thề thôi vì không có cách nào ra được chỗ tàu đậu, một chiếc Stuka(13) nhào xuống con tàu, một chuỗi bom rơi dọc bên hông tàu, khiếnnước tung lên trông như những vòi nước vọt trong vườn hoa các dinh thự, có điều là ở vườn hoa thì các vòi nước phun lên đều đều.  
Rồi một chiếc khu trục hạm ló ra bảo chiếc Stuka : “Đừng có làm thế”, bằng những tiếng nổ lạch tạch, đùng đùng, nhưng một chiếc Jerry khác lại nhào xuống chiếc khu trục hạm và ném bom trúng. Khiếp! Nó nhảy tưng lên! Nó bốc cháy trước khi chìm, rồi khói, mùi khét lẹt tạt vào tận bãi biển, khói vàng, khói đen, và trong đám khói ấy xuất hiện con ngỗng sáng rực, nó lượn quanh chúng tôi đang nằm mắc kẹt trên bờ biển.  
Thế rồi, từ một khúc biển uốn quanh xuất hiện một chiếc thuyền nhỏ vấy máu, chạy thật thanh thản tựa như một chiếc du thuyền rực rỡ nhàn nhã rong chơi vào một buổi chiều chủ nhật trên hồ Henlye.  
“Ai đó?” một người thường dân hỏi.  
“Tôi đây! Tôi đến để cứu các anh đây”. Con thuyền đã vô sự vượt qua làn mưa đạn súng liên thanh từ một chiếc máy bay trong phi đội phóng pháo Đức dội xuống - trước đó nửa giờ một chiếc thuyền gắn máy ở Ramsgate đã cố vào chuyển chúng tôi đi và đã bị bắn chìm - mặt nước ngầu lên vì vết đạn cày, nhưng gã lái thuyền như không lưu ý tới, chắc chắn là gã không thèm lưu ý tới. Làm gì có xăng nhớt mà sợ bị máy bay phát nổ, và cứ thế nó len lỏi qua những mũi đạn chúc xuống rào rào.  
Từ trong làn khói đen của chiếc tàu bốc cháy rẽ vào chỗ cạn, có một anh chàng nhỏ thó, đen đúa, có râu, một bên cánh tay có tật giống như chiếc móng chim, và một cục bướu trên lưng.  
Gã gù cắn chặt sợi dây giữa hai hàm răng, sợi dây trắng bóng giữa bộ râu đen rậm, ngồi đằng đuôi lái gã vẫy chúng tôi lại. Và ngay trên đầu là cánh chim lực lưỡng lượn qua lượn lại.  
Thấy thế Jock nói : “Coi kìa, điên thật rồi. Đúng là loài quỷ dữ đến rước mình đi. Chẳng thà trúng đạn chết mất ngáp còn hơn là trông thấy nó”.  
“Bậy nào”, tôi cãi, “tôi thấy hắn ta giống ông Thiện chứ không phải loài quỷ dữ”.   
Mà thật thế trông hắn ta giống những bức hình in trong những cuốn sách giáo lý với khuôn mặt trắng, và ngay cả con thuyền quái quỉ của hắn nữa.  
“Tôi có đủ chỗ cho bảy người mỗi chuyến”, hắn hô lên khi chiếc thuyền ghé lại gần.  
Vị sĩ quan chỉ huy chúng tôi đáp : “Anh can đảm lắm! … Bảy cậu gần thuyền nhất, lên đi!”  
Chúng tôi lội ùa ra tới bên thuyền hắn. Tôi mệt đến nỗi không leo lên được cạnh thuyền, nhưng hắn nắm lấy gáy áo tôi mà lôi lên, miệng nói : “Ráng lên nào, anh bạn”, rồi người kế tiếp leo lên.   
Thế là tôi lên được. Chà, hắn mới khoẻ làm sao chứ. Rồi hắn kéo buồm lên, một cánh buồm lỗ chỗ đạn súng máy giống như chiếc sàng sảy lúa, và hắn hô ta : “Ngồi cả xuống lòng thuyền, mấy chú, phòng trường hợp dọc đường có gặp thêm đồng đội của mấy chú chăng”, và rồi chúng tôi rời khỏi bờ, hắn ngồi đằng sau lái, răng cắn chặt sợi dây thừng, chiếc tay khoèo hình móng chim nắm giữ một sợi khác, tay phải bẻ lái và rồi con thuyền lướt sóng ra khơi, chạy len lỏi giữa những viên đạn làm tung toé nước, từ một ổ súng đặt ở một nơi nào đó trong bờ biển bắn ra. Và cánh ngỗng lực lưỡng lượn đi lượn lại, kêu quàng quạc át cả tiếng gió và tiếng huyên náo mà quân Đức đang tạo nên, giống như ngày đại hội khiêu vũ hoá trang trên đường phố thành Winchester.  
Tôi đã bảo anh rằng con ngỗng kia là điềm lành mà”, tôi nói với thằng Jock.   
“Nhìn hắn mà xem, hắn là ông Thiện tới cứu mình mà”.  
Hắn ngồi ở chỗ tay lái, ngước nhìn lên cánh ngỗng, răng cắn chặt sợi dây thừng, và mỉm cười với con ngỗng như đã từng quen biết nó từ lâu.  
Hắn đem chúng tôi ra tới tàu Kentish Maid rồi lại quay thuyền đi chở chuyến khác. Suốt buổi chiều và luôn cả đêm hôm đó nữa hắn chở được rất nhiều chuyến, vì cả vùng trời Dukirk cháy sáng rực nên có thể nhìn thấy rõ như ban ngày. Tôi không rõ hắn đi được bao nhiêu chuyến, nhưng hắn và chiếc du thuyền có gắn máy hảo hạng của hội bơi thuyền Thames Yacht Club và một chiếc tàu cấp cứu khác từ bến Poole tới đã hè vào chở hết bọn tôi, không sót một tên nào, ra khỏi cái dải đất đặc biệt của vùng hoả ngục ấy.  
Tàu nhổ neo khi người cuối cùng trong bọn tôi đã lên, có tới trên bảy trăm mạng nhét trên con tàu được đóng để chở chừng hai trăm người. Hắn hãy còn ở lại đó khi chúng tôi khởi hành, hắn vẫy tay từ giã chúng tôi và lại quay mũi theo hướng Dunkerque, con ngỗng vẫn bám sát theo hắn. Trông thật ngộ nghĩnh, cánh chim lực lưỡng bay quanh chiếc du thuyền của hắn, cánh chim loé ngời lửa đạn, tựa như một vị thiên thần trong trắng bay lượn giữa đám khói lửa mịt mờ.  
Một chiếc Stuka dọc đường lại tấn công chúng tôi thêm một lần nữa, nhưng anh chàng phi công ý hẳn đã thiếu ngủ từ nhiều đêm trước nên oanh kích hụt đích. Tảng sáng chúng tôi về đến nước nhà bình an vô sự.  
Sau đó tôi không biết số phận hắn ra sao, hoặc hắn là ai – cái anh chàng gù lưng với chiếc thuyền buồm bé nhỏ của hắn. Anh chàng đó thật là can đảm và tốt bụng lạ thường”.  
“Chà”, người lính pháo thủ nói, “một cánh chim lực lưỡng và hung hung đỏ, có ai biết không nào?”  
Một vị sĩ quan hải quân trừ bị, trong bốn ngày cuối cùng của cuộc triệt thoái, đã bị thiệt hại mất hai chiếc tàu kéo lưới Brixham và một chiếc tàu rà mìn Yarmouth được đặt dưới quyền chỉ huy của ông, lên tiếng hỏi : “Bác có nghe nói gì tới huyền thoại khó mà tin được về một con ngỗng hoang không nhỉ? Nó hết bay lên rồi lại bay xuống dọc theo bãi biển. Mà bác cũng thừa biết loại chuyện đó thường xảy ra như thế nào rồi. Có một số binh sĩ tôi chở từ Dunkerque về bàn tán mãi chuyện đó. Con ngỗng xuất hiện trong những ngày cuối cùng từng chập một giữa khoảng Dunkerque và Lapanne. Ai mà may mắn được nhìn thấy con ngỗng là kể như sau đó thế nào cũng được cứu thoát. Bác thừa biết, cái lối nửa hư nửa thực ấy mà…”  
“Hè…ừ…ừm”, trung tá Brill Oudener nói, “một con ngỗng hoang à. Theo tôi thấy thì nó đã được dạy cho thuần thục rồi. Một thứ chi tiết vô cùng kỳ lạ. Bi đát nữa, hiểu theo một cách khác. Và thật may cho chúng tôi. Để tôi kể cho bác nghe. Đó là chuyến thứ ba trên đường về. Vào khoảng sáu giờ chiều chúng tôi nhìn thấy một chiếc thuyền nhỏ trôi giạt, trên thuyền dường như có một người hay một cái xác người nào đó, và một con chim đậu trên mạn thuyền.  
Khi tới gần, chúng tôi bèn đổi hướng tàu để lại xem có chuyện gì. Trời đất ơi, đúng là một người. Hay đúng ra, trước đó đã là một người. Tội nghiệp hắn! Bị trúng một phát đạn liên thanh, nói thế là bác cũng đủ hiểu rồi. Bị nặng lắm! Đầu gục xuống nước. Con chim, một con ngỗng, loài ngỗng đã được huấn luyện thành thục.  
Chúng tôi ghé lại gần, nhưng khi một người trong bọn chúng tôi định leo lên thuyền thì con chim kêu rít lên va dang cánh ra đập hắn. Không lấy được xác gã kia ra. Bất thần, Kettering, một chú lính trẻ theo hộ vệ tôi, thét lên, giơ tay chỉ xuống mạn tàu bên phải. Một trái thủy lôi bập bềnh sát bên. Trái thủy lôi khủng khiếp của bọn Đức. Nếu chúng tôi đi thẳng thì thế nào cũng đụng nhằm trái thủy lôi đó rồi. Chúng tôi lái tránh cho trái thủy lôi dạt ra xa. Khi nó đã giạt ra xa, cách chiếc xà lan cuối đoàn chừng một trăm thước, thì mấy anh lính lấy súng nhắm bắn cho nó nổ tung lên.  
Khi chúng tôi quay lại tìm kiếm chiếc thuyền trôi giạt thì nó đã biến đâu mất. Chìm rồi. Thủy lôi nổ, rung động, làm thuyền lật, bác biết đấy. Kéo theo cả cái gã kẹt trong thuyền. Tựa như gã cột người gã vào với chiếc thuyền. Con chim bay lên và lượn vòng quanh. Nó lượn ba vòng tựa như một chiếc máy bay lượn chào làm chúng tôi sững sờ hồi lâu. Rồi nó bay về hướng tây. Cũng may cho chúng tôi đã lên boong xem, nếu không thì sao nhỉ? Mà cũng ngộ là bác đã đề cập tới chuyện con ngỗng đó”.   
Fritha ở lại một mình trong hải đăng nhỏ bé trên vùng đồng lầy rộng lớn, săn sóc những con chịm bị xén lông cánh còn ở lại. Cô chờ đợi mà chẳng biết mình chờ đợi gì. Những ngày đầu tiên cô hay lên bờ biển ngóng chờ, dù cô đã biết là uổng công vô ích. Sau đó cô thơ thẩn đi khắp các căn buồng để đồ trong hải đăng, nơi chất đầy những bức hoạ trên đó Rhayader đã mô tả lại tất cả những cảnh trí cùng những tác động của ánh sáng trên vùng đất hoang vu và vẻ đẹp huy hoàng của các loài dị điểu sống nơi đó.  
Trong số tranh ấy cô gái tìm thấy bức chân dung Rhayader vẽ mình theo ký ức, đã nhiều năm về trước, hồi cô còn là một cô bé nhỏ xíu, nhút nhát, đầu tóc rối bù đứng bên ngưỡng cửa, ghì chặt trong lòng con chim trốn tuyết bị thương.  
Bức họa và những gì cô gái nhận thức được đã khiến cô xúc động như chưa từng xúc động, vì Rhayader đã gửi gắm rất nhiều tâm hồn chàng vào đấy. Lạ thay, đó là lần duy nhất chàng vẽ con chim trốn tuyết, con vật lạc loài, bị bão táp xô giạt đến từ miền đất lạ, con vật đã mang tình bạn đến cho cả hai người, và chính con vật ấy, cuối cùng đã trở lại báo cho cô biết là cô sẽ không bao giờ còn gặp lại chàng nữa.  
Khá lâu trước khi con chim trốn tuyết từ vùng trời phía đông ửng hồng sà xuống lượn vòng quanh hải đăng như ngỏ lời chào vĩnh biệt, Fritha nhờ sự linh cảm mẫn tiệp sẵn có trong cô đã biết trước là Rhayader sẽ không bao giờ về nữa.  
Cũng chính vì thế, vào lúc trời chiều, nghe tiếng chim kêu lảnh lót quen thuộc từ trời cao vọng xuống, lòng cô không trải qua một giây phút hy vọng hão huyền. Giây phút ấy, dường như cô đã từng sống qua rất nhiều lần, nên không còn ảo vọng.  
Cô gái hối hả chạy ra bức trường thành, đôi mắt không hướng ra phía eo biển xa vời mà từ đó một cánh buồm có thể xuất hiện, nhưng lại ngước lên vòm trời đỏ rực mà, từ đó, con chim trốn tuyết rơi thẳng xuống như một hòn đá. Cánh chim từ trời cao rớt xuống, tiếng kêu não nùng của nó, và sự cô quạnh vây bọc quanh cô, đã phá vỡ con đập ngăn giữ mọi xúc cảm trong cô, thả tung mối tình không ngăn giữ được, không chối cãi nổi, tuôn trào thành suối lệ.  
Một linh hồn hoang dã kêu gọi một linh hồn hoang dã khác, cô có cảm tưởng như mình đang bay theo cánh chim to lớn bay vút lên vòm trời chiều và lắng nghe lời Rhayader nhắn nhủ.  
Trời đất như vang vang lời nhắn gửi và cô rung rung theo hoà âm đó với một cường độ vượt quá sức cô. “Frith, Fritha! Frith, em yêu. Vĩnh biệt nhé, người em yêu dấu”. Đôi cánh trắng, có đốm đen, như quạt vào lòng cô những lời âu yếm ấy, và lòng cô đáp lại : “Philip, em yêu anh”.  
Có một lúc Frith đã tưởng là con chim trốn tuyết sắp hạ cánh trong khuôn vườn, khi những con ngỗng bị xén cánh kêu vang lời chào đón. Nhưng nó chỉ sà xuống thấp rồi lại bay vút lên, luợn một vòng tròn rất đẹp mắt, quanh ngọn hải đăng cổ xưa một lần nữa rồi bay lẩn trong đám mây cao vút.  
Nhìn cánh chim bay vút lên cao, Frith không còn thấy hình ảnh con chim trốn tuyết nữa, mà chỉ thấy linh hồn của Rhayader đến giã biệt cô gái trước khi chắp cánh bay vào cõi hư vô.  
Cô gái không còn bay theo cánh chim nữa mà trở lại buộc ràng trên mặt đất. Cô dang hai cánh tay giơ lên trời, những ngón chân nhón cao, với theo, miệng kêu lên : “Xin trời đưa dẫn anh, ra đi êm đẹp nhé, hỡi anh Philip của em!”  
Nước mắt Frith như khô cạn. Khi bóng chim mịt mù, cô còn đứng đó, âm thầm ngó lên trời cao trong một hồi lâu. Rồi cô trở lại ngọn hải đăng tìm lấy bức chân dung Rhayader đã vẽ mình. Ghì chặt bức hoạ vào ngực, cô trở về nhà, đi dọc theo con đê ven bờ biển cả.   
Đêm đêm, trong nhiều tuần kế tiếp sau đó, Frith còn trở lại hải đăng cho lũ chim bị xén lông cánh ăn. Rồi vào một buổi sớm mai, một phi công Đức trong một phi vụ lúc trời chưa sáng tỏ đã lầm tưởng ngọn hải đăng cũ hoang phế là một mục tiêu quân sự đang hoạt động nên nhào xuống như một cánh chim ưng bằng thép và bắn phá ngọn hải đăng cùng tất cả những gì còn lại trong đó tan thành cát bụi.  
Tối hôm đó, khi Fritha trở lại, sóng biển đã ùa qua những bức tường sụp đổ và bao phủ lên tất cả. Không còn gì sót lại khả dĩ làm cho giảm bớt quanh cảnh ảm đạm thê lương. Không một cánh chim nào trong vùng đồng lầy dám trở lại. Chỉ có những con hải âu dạn dĩ chập chờn bay lượn, nức nở kêu thương quanh nơi chốn cũ – nơi mà khi vầng thái dương mới ló còn là ngọn hải đăng xưa.   
---Hết---   
-------------------  
(1) Phía Đông Nam nước Anh, gần miền Bắc nước Pháp.  
(2) Gốc ở miền Bắc nước Đức tràn xuống chiếm nhiều miền của nước Anh từ thế kỷ thứ V, VI.  
(3) Dân Normand thuộc miền Bắc nước Pháp, đối diện với nước Anh, tới xâm chiếm nước Anh năm 1066. Trận Hastings bên bờ eo biển Anh đánh dấu sự toàn thắng của họ.  
(4) Những tảng đá đặc biệt này dùng để xây bức trường thành ngày xưa.  
(5)Thị xã miền Bắc nước Pháp, nơi quân đội Đồng Minh (Anh) rút lui dưới làn mưa đạn của quân địch (Đức quốc xã). Trận Dunkerque là một trận nổi tiếng thời chiến tranh thế giới thứ hai.   
(6) : Tiếng lóng của người Anh dùng để chỉ người Đức, nhất là người lính Đức.  
(7) : Tên máy bay Đức.  
(8) : Một hải cảng và là nơi nghỉ mát miền đông nam nước Anh.  
(9) : Loại máy bay phóng pháo Đức dùng trong thời đệ nhị thế chiến.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
Post : A Thanh  
Nguồn: Vietkiem  
Được bạn: Mọt Sách đưa lên  
vào ngày: 18 tháng 3 năm 2004